TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2018
V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quản.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không

Ngày 06/4/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST – HNGĐ ngày 29/01/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị M – sinh năm 1974.
Địa chỉ: thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).
* Bị đơn: Anh Mai Văn M – sinh năm 1980.
Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2018, trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị M trình bày.

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn M kết hôn ngày 03/12/2010 trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M không chịu lao động, thường xuyên chơi cờ bạc, ngoại tình, đánh đập vợ con, bỏ bê không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng nhiều, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, khuyên ngăn nhưng không được, vợ chồng sống ly thân nhau đã 05 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn M.

Về con chung: Chị và anh Mai Văn M có 01 con chung, cháu Mai Văn A – sinh ngày 11/8/2009 hiện đang ở cùng chị với gia đình bên ngoại. Nếu ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Quá trình giải quyết tại Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án và giao cho chị M, anh M theo qui định của pháp luật. Nhưng sau đó anh M cố tình vắng mặt, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên anh M không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ tiến hành đối với chị M, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Nguyện vọng của cháu Mai Văn A: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án theo qui định cho anh M biết việc chị M xin ly hôn. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh M vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Ngày 22/3/2018, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh M vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2]Về hôn nhân: Anh Mai Văn M và chị Lê Thị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị M là hoàn toàn chính đáng, bởi cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xung đột lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ năm 2013 đến nay. Hơn nữa anh M trong quá trình giải quyết vụ án đã cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, chứng tỏ anh M không có sự

níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh Mai Văn M.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Mai Văn M có 01 con chung, cháu Mai Văn A – sinh ngày 11/8/2009 hiện đang ở cùng chị M. Xét thấy, cần tiếp tục giao cháu A cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, bởi chị M hiện tại đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ năm 2013 đến nay, có nơi ở và thu nhập ổn định; hơn nữa cháu A còn nhỏ, đang theo học rất cần sự chăm sóc của người mẹ; mặt khác cháu Mai Văn A có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án chị M không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Mai Văn M không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy cần dành quyền dân sự cho anh M khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với qui định của pháp luật.

[6]Về án phí: Chị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 1 Điều 56 ; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử: Cho chị Lê Thị M ly hôn anh Mai Văn M.

Về con chung : Giao cháu Mai Văn A – sinh ngày 11/8/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Anh M có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị M không được cản trở.

- Dành quyền dân sự cho anh M khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

*Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ(Ba trăm

nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002668 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị M đã nộp đủ án phí.

*Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hạnh **Mai Thị Bình** **Đỗ Xuân Hùng**